

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI
LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

(*)

 Crowe Horwath™

Công ty Kiểm toán DTL
Thành viên Crowe Horwath International

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 25

1/2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủ Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủ Lợi Lâm Đồng được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng, và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là vào ngày 22 tháng 02 năm 2008.

Trụ sở được đặt tại số 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 20.000.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thi công các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước. Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông.
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng.
- Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phut vữa, dung dịch các loại.
- Khai thác, chế biến khoáng sản.
- Khách sạn.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Đình Hiển	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Trung	Phó Chủ tịch
Ông Hầu Văn Tuấn	Thành viên
Ông Lê Đình Hòa	Thành viên
Ông Bùi Trung Trực	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Đình Hiển	Giám đốc
Ông Kim Ngọc Đặng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Trung	Phó Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 2011

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.

6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính định kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Lâm Đồng, ngày 14 tháng 02 năm 2012

GIÁM ĐỐC



BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cố đông
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 18 tháng 01 năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 25 kèm theo. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhân xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhân xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2012

KIỂM TOÁN VIÊN


LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG

Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BẢNG CÂN ĐOÎ KÉ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		105.794.497.094	85.257.102.468
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.382.471.245	4.762.002.627
1. Tiền	111		3.382.471.245	4.762.002.627
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	1.370.000.000	3.200.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.515.448.000	3.515.448.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(2.145.448.000)	(315.448.000)
III. Các khoản phải thu	130	5.3	90.302.812.605	63.092.599.455
1. Phải thu khách hàng	131		78.669.192.478	51.220.316.936
2. Trả trước cho người bán	132		877.724.210	835.062.519
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		10.792.294.000	11.037.220.000
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(36.398.083)	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	10.318.639.000	12.298.639.000
1. Hàng tồn kho	141		10.318.639.000	12.298.639.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		420.574.244	1.903.861.386
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	420.574.244	1.903.861.386

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BÀNG CÂN ĐÓI KÉ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.132.077.686	42.379.101.491
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		21.916.091.184	29.586.087.989
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	19.666.091.184	27.386.087.989
+ Nguyên giá	222		56.549.534.411	57.108.367.744
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.883.443.227)	(29.722.279.755)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		2.250.000.000	2.200.000.000
+ Nguyên giá	228		2.250.000.000	2.200.000.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.7	12.215.986.502	12.793.013.502
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		15.925.940.902	13.876.024.902
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(3.709.954.400)	(1.083.011.400)
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		139.926.574.780	127.636.203.959

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		75.360.432.566	65.231.694.393
I. Nợ ngắn hạn	310		75.153.282.608	57.962.234.893
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	9.838.769.660	9.986.636.400
2. Phải trả người bán	312	5.9	28.744.347.544	16.883.015.300
3. Người mua trả tiền trước	313	5.9	19.149.556.739	22.682.105.750
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	7.281.729.426	4.455.892.822
5. Phải trả người lao động	315	5.11	159.161.500	-
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	7.590.717.611	2.021.152.023
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	5.12	2.000.000.000	1.663.457.475
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.14	389.000.128	269.975.123
II. Nợ dài hạn	330		207.149.958	7.269.459.500
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phái trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	7.091.320.500
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		207.149.958	178.139.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.566.142.214	62.404.509.566
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	64.566.142.214	62.404.509.566
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.447.352.500	12.447.352.500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3.133.960.000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.700.000.000	16.500.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.000.000.000	2.000.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		11.552.749.714	11.457.157.066
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		139.926.574.780	127.636.203.959

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại	-	-	-
+ USD	-	-	-
+ EUR	-	-	-
+ SGD	-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HÀU VĂN TUÂN

Lâm Đồng, ngày 18 tháng 01 năm 2012

GIÁM ĐỐC



LE ĐÌNH HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	154.976.923.266	156.111.252.753
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	11.040.214	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		154.965.883.052	156.111.252.753
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	126.548.027.150	131.251.637.315
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.417.855.902	24.859.615.438
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.536.964.454	5.604.499.811
7. Chi phí tài chính <i>(trong đó, chi phí lãi vay)</i>	22	6.4	7.278.017.388	3.419.789.278
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	7.519.189.981	7.508.890.619
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.157.612.987	19.535.435.352
11. Thu nhập khác	31	6.6	280.749.513	1.839.483.667
12. Chi phí khác	32		-	1.130.000.998
13. Lợi nhuận khác	40		280.749.513	709.482.669
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.438.362.500	20.244.918.021
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	3.218.112.786	4.787.760.955
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.220.249.714	15.457.157.066
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70		8.330	7.729

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HẦU VĂN TUẤN

Lâm Đồng, ngày 18 tháng 01 năm 2012

GIAM ĐỐC



LÊ ĐỊNH HIỂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19.438.362.500	20.244.918.021
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		8.094.496.805	9.735.898.506
Các khoản dự phòng	03		4.493.341.083	1.398.459.400
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.629.691.727)	(2.508.928.718)
Chi phí lãi vay	06		2.641.074.388	1.386.777.878
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		29.037.583.049	30.257.125.087
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(22.388.704.091)	(20.693.065.905)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.980.000.000	(9.773.194.052)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		10.105.106.164	(10.381.446.039)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		-	-
Tiền lãi vay đã trả	13		(2.641.074.388)	(1.386.777.878)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(795.829.500)	(6.901.843.117)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.600.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(220.721.103)	(133.775.460)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		15.077.960.131	(19.012.977.364)
II. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(289.500.000)	(3.930.414.897)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		272.727.273	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(64.284.480.000)
4.				
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	69.473.902.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.049.916.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.982.344.454	2.106.077.202
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(84.344.273)	3.365.084.305

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(3.133.960.000)	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	53.267.648.817	35.610.481.888	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(60.506.836.057)	(27.558.845.488)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.000.000.000)	(11.000.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(16.373.147.240)	(2.948.363.600)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(1.379.531.382)	(18.596.256.659)	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.762.002.627	23.358.259.286	
Ánh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	3.382.471.245	4.762.002.627	

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HẦU VĂN TUẤN

Lâm Đồng, ngày 18 tháng 01 năm 2012

GIÁM ĐỐC



LÊ ĐÌNH HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất vào ngày 22 tháng 02 năm 2008.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 68 Hai Bà Trưng, Phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 20.000.000.000 đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thi công các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước. Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông.
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng.
- Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phut vữa, dung dịch các loại.
- Khai thác, chế biến khoáng sản.
- Khách sạn.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	04 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	04 – 07 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05 năm
+ Tài sản cố định vô hình (phần mềm)	03 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giám vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo nghị quyết Hội đồng cổ đông thường niên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rõ ràng và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được xác định theo phần công việc hoàn thành do nhà thầu tự xác định hoặc phần công việc hoàn thành được khách hàng xác định trong kỳ. Phần công việc hoàn thành được xác định đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tam thời được khấu trừ, số chênh lệch tam thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.14. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.673.514.116	3.171.503.360
Tiền gửi ngân hàng	1.708.957.129	1.590.499.267
Tổng cộng	3.382.471.245	4.762.002.627

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Cổ phiếu ngắn hạn	3.515.448.000	3.515.448.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	3.515.448.000	3.515.448.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.145.448.000)	(315.448.000)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	1.370.000.000	3.200.000.000

Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn (SSI)	100.000	3.515.448.000	100.000	3.515.448.000
Cộng	100.000	3.515.448.000	100.000	3.515.448.000

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	78.669.192.478	51.220.316.936
Trả trước cho người bán	877.724.210	835.062.519
Các khoản phải thu khác	10.792.294.000	11.037.220.000
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	90.339.210.688	63.092.599.455
Dự phòng phải thu khó đòi	(36.398.083)	
Giá trị thuần của các khoản phải thu	90.302.812.605	63.092.599.455

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu từ cho cá nhân vay	184.015.000	977.220.000
Phải thu cho các tổ chức vay	10.608.279.000	10.060.000.000
Cộng	10.792.294.000	11.037.220.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	8.639.000	8.639.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.310.000.000	12.290.000.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	10.318.639.000	12.298.639.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	10.318.639.000	12.298.639.000

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Hồ chứa nước Sông Dinh 3 Bình Thuận	4.860.000.000	3.300.000.000
Kênh chinh Sông ray Gói 42 cầu máng	2.000.000.000	-
Kênh chinh Sông Ray Gói 44 BR-VT	2.000.000.000	60.000.000
Hồ chứa nước Thôn 5 Đạtéh	1.000.000.000	1.200.000.000
Công trình Lộc Thạnh Bình Phước	450.000.000	-
Kênh Xuyên mộc (Gói 52) Bà Rịa Vũng tàu	-	3.800.000.000
Kênh và công trình trên Kênh Phước Hòa Gói 1B	-	2.400.000.000
Kênh Phan rí – Phan Thiết, Bình Thuận 1 (Hoàng)	-	690.000.000
Kênh N1 Tuyền lâm Quang Hiệp (gói 1)	-	400.000.000
Dự án Thủy lợi Phước hòa Gói 1C	-	180.000.000
Hồ NT6 Phước Long Bình Phước	-	160.000.000
Hồ chứa nước Phát Chí Dalat	-	100.000.000
Tổng cộng	10.310.000.000	12.290.000.000

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác là khoản tạm ứng cho nhân viên văn phòng, công nhân và trưởng ban chỉ huy các công trình.

(Phần tiếp theo ở trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.569.266.331	51.069.552.485	4.050.527.468	419.021.460	57.108.367.744
Mua trong năm	-	241.136.364	-	133.363.636	374.500.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(933.333.333)	-	-	(933.333.333)
Số dư cuối năm	1.569.266.331	50.377.355.516	4.050.527.468	552.385.096	56.549.534.411
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	677.661.675	26.589.016.754	2.219.165.053	236.436.273	29.722.279.755
Khấu hao trong năm	70.743.504	7.432.845.020	448.862.856	142.045.425	8.094.496.805
Thanh lý, nhượng bán	-	(933.333.333)	-	-	(933.333.333)
Số dư cuối năm	748.405.179	33.088.528.441	2.668.027.909	378.481.698	36.883.443.227
Giá trị còn lại					
Tai ngày đầu năm	891.604.656	24.480.535.731	1.831.362.415	182.585.187	27.386.087.989
Tại ngày cuối năm	820.861.152	17.288.827.075	1.382.499.559	173.903.398	19.666.091.184

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 7.769.398.895 – Xem thêm mục 5.8.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 17.340.626.130 đồng

5.7. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư dài hạn khác	15.925.940.902	13.876.024.902
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	15.925.940.902	13.876.024.902
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(3.709.954.400)	(1.083.011.400)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	12.215.986.502	12.793.013.502

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu công ty HEC II	300.000	3.000.000.000	30.000	3.000.000.000
Cổ phiếu LBM	850.006	9.744.997.000	570.006	7.695.081.000
Cổ phiếu VDL	175.090	3.180.943.902	120.475	3.180.943.902
Cộng		15.925.940.902		13.876.024.902

Lý do thay đổi khoản đầu tư vào trái phiếu HEC II:

- Về số lượng: chuyển đổi 30.000 trái phiếu thành 300.000 cổ phần.
- Về giá trị: không thay đổi giá trị.

Lý do thay đổi khoản đầu tư vào cổ phiếu LBM:

- Về số lượng: mua thêm 280.000 cổ phần.
- Về giá trị: 2.049.916.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Lý do thay đổi khoản đầu tư vào cổ phiếu VDL:

- Về số lượng: nhận cổ phiếu thường và cổ tức bằng cổ phiếu 54.615 cổ phần.

5.8. Vay ngắn hạn

Vay ngắn hạn là khoản vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng vay số 01A/2010/HĐTDHM ngày 02 tháng 08 năm 2010, lãi suất trong kỳ này từ 18% - 20%, với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị của công ty – Xem thêm mục 5.6.

5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	28.744.347.544	16.883.015.300
Người mua trả tiền trước	19.149.556.739	22.682.105.750
Tổng cộng	47.893.904.283	39.565.121.050

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	2.615.885.502	2.130.113.615
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.396.813.251	1.974.529.965
Thuế thu nhập cá nhân	235.980.673	312.264.312
Thuế tài nguyên	24.674.000	24.488.880
Các khoản phí, lệ phí	8.376.000	14.496.050
Tổng cộng	7.281.729.426	4.455.892.822

5.11. Phải trả người lao động

Là khoản lương phải trả.

5.12. Dự phòng phải trả

Là khoản dự phòng bảo hành công trình.

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	328.677.611	388.196.602
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.262.040.000	1.632.955.421
Tổng cộng	7.590.717.611	2.021.152.023

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Thu tiền đặt cọc bán tài sản	320.000.000	320.000.000
Vay mượn cá nhân tạm thời	2.016.790.000	526.790.000
Tiền ký quỹ thẻ chân lái xe	147.000.000	130.000.000
Phải trả vốn Nhà nước	50.750.000	50.750.000
Thu tiền thuê cốt pha công trình	60.000.000	60.000.000
Cỗ tucson	4.667.500.000	-
Thu tiền bảo lãnh gói thầu Hồ chứa nước thôn 5 Dạtêh	-	450.000.000
Thu tiền cấp chứng chỉ nghề CNV	-	43.050.000
Thu hồi nhiên liệu 2010	-	52.365.421
Tổng cộng	7.262.040.000	1.632.955.421

5.14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	269.975.123	157.062.236
Trích lập trong năm	257.157.066	235.493.847
Tăng khác	1.600.000	-
Sử dụng trong năm	(139.732.061)	(122.580.960)
Số dư cuối năm	389.000.128	269.975.123

(Phần tiếp theo ở trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Các quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Công
Số dư đầu năm trước	20 000.000.000	12.447.352.500	-	7.903.240.104	17.832.253.743	58.182.846.347
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	15.457.157.066	15.457.157.066
Trích lập các quỹ	-	-	-	10.596.759.896	(10.832.253.743)	(235.493.847)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(11.000.000.000)	(11.000.000.000)
Số dư đầu năm nay	<u>20.000.000.000</u>	<u>12.447.352.500</u>	<u>-</u>	<u>18.500.000.000</u>	<u>11.457.157.066</u>	<u>62.404.509.566</u>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	16.220.249.714	16.220.249.714
Trích lập các quỹ	-	-	-	5.200.000.000	(5.457.157.066)	(257.157.066)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(10.667.500.000)	(10.667.500.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(3.133.960.000)	-	-	(3.133.960.000)
Số dư cuối năm nay	<u>20.000.000.000</u>	<u>12.447.352.500</u>	<u>(3.133.960.000)</u>	<u>23.700.000.000</u>	<u>11.552.749.714</u>	<u>64.566.142.214</u>

Làm số

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là vốn góp của cá nhân

5.15.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phần đã bán ra	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phần được mua lại	(133.000)	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	1.867.000	2.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

5.15.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	16.220.249.714	15.457.157.066
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	1.947.178	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	8.330	7.729

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp đồng xây dựng	154.959.345.149	156.078.243.419
Doanh thu cho thuê nhà nghỉ	17.578.117	33.009.334
Giá trị hàng bán	(11.040.214)	-
Doanh thu thuần	154.965.883.052	156.111.252.753

6.2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của hoạt động xây dựng đã cung cấp.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.172.217.854	829.482.861
Lãi đầu tư trái phiếu	90.000.000	187.020.141
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.094.746.600	1.089.574.200
Lãi bán cổ phiếu	-	2.834.434.416
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	180.000.000	634.552.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	29.436.193
Tổng cộng	5.536.964.454	5.604.499.811

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.641.074.388	1.386.777.878
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	4.636.943.000	2.033.011.400
Tổng cộng	7.278.017.388	3.419.789.278

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.839.763.452	4.633.005.788
Chi phí đồ dùng văn phòng	81.240.886	114.311.275
Chi phí khấu hao tài sản cố định	633.192.993	639.851.384
Chi phí dự phòng	146.398.083	-
Chi phí bằng tiền khác	1.818.594.567	2.121.722.172
Tổng cộng	7.519.189.981	7.508.890.619

6.6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Xử lý công nợ	8.022.240	340.649.958
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	272.727.273	1.498.831.168
Thu nhập khác	-	2.541
Tổng cộng	280.749.513	1.839.483.667

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	19.438.362.500	20.244.918.021
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(1.094.746.600)	(1.093.874.200)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	18.343.615.900	19.151.043.821
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	4.585.903.975	4.787.760.955
Trừ thuế TNDN được miễn giảm theo thông tư 154/2011/TT-BTC ban hành ngày 11/11/2011 của BTC	(1.375.771.193)	-
Thuế TNDN tăng do quyết toán thuế	7.980.004	-
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	3.218.112.786	4.787.760.955

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như: các chi phí không có chứng từ, chi phí không hợp lý hợp lệ...

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yêu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	93.078.159.488	97.248.084.920
Chi phí nhân công	22.148.025.101	28.530.031.849
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.094.496.805	9.735.898.505
Chi phí dự phòng	146.398.083	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.538.372.385	6.405.243.576
Chi phí khác bằng tiền	5.081.765.269	6.650.269.084
Tổng cộng	132.087.217.131	148.569.527.934

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7. Thông tin về các bên có liên quan

Thu lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thu lao Hội đồng quản trị	297.180.000	225.127.500
Lương Giám đốc	495.942.000	534.042.000
Tổng cộng	793.122.000	759.169.500

8. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.382.471.245	4.762.002.627
Phải thu khách hàng và phải thu khác	89.425.088.395	62.257.536.936
Đầu tư ngắn hạn	1.370.000.000	3.200.000.000
Đầu tư dài hạn	12.215.986.502	12.793.013.502
Tổng cộng	106.393.546.142	83.012.553.065
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	9.838.769.660	17.077.956.900
Phải trả người bán và phải trả khác	35.955.637.544	18.422.170.721
Tổng cộng	45.794.407.204	35.500.127.621

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thi trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trong yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết.

Công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
31/12/2011			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	35.955.637.544	-	35.955.637.544
Các khoản vay	9.838.769.660	-	9.838.769.660
31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả khách hàng và phải trả khác	18.422.170.721	-	18.422.170.721
Các khoản vay	9.986.636.400	7.091.320.500	17.077.956.900

Ban Giám đốc đánh giá mức trung bình rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rõ ràng và thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	89.425.088.395	89.425.088.395
31/12/2010	Dưới 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	62.257.536.936	62.257.536.936

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 18 tháng 01 năm 2012.

Lâm Đồng, ngày 18 tháng 01 năm 2012

GIÁM ĐỐC



LÊ ĐÌNH HIỀN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HẦU VĂN TUẤN